

## BẢN TIN

### Về tình hình dịch bệnh và các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc (Tính đến 15h00' ngày 19/01/2022)

#### I. THÔNG TIN CẬP NHẬT VỀ TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH

##### 1. Tại Việt Nam

- Tính đến 14h00' ngày 19/01/2022, ghi nhận 2.062.128 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2, trong đó: 1.756.154 điều trị khỏi, 247.464 đang điều trị, 35.975 tử vong (tăng 184 trường hợp).

- Tổng số ca lây nhiễm COVID-19 trong nước tính từ ngày 27/4/2021 đến nay có 2.033.283 trường hợp (tăng 16.763 trường hợp).

- Tổng hợp đánh giá cấp độ dịch tại các địa phương theo Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ và Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế: <https://capdodich.yte.gov.vn/map>.

##### 2. Tại tỉnh Vĩnh Phúc

**2.1. Tổng số ca mắc COVID-19: 6.836 ca (tăng 339)**, trong đó:

- Ghi nhận tại tỉnh: 6.822 ca, tăng 339 ca, trong đó: 31 khu cách ly; 198 cộng đồng; 110 cách ly tại nhà, khu phong tỏa (*Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm*).

- Nhập cảnh cách ly y tế tại tỉnh: **14** trường hợp (tăng 01).

**2.2. Tình hình điều trị:** 2.524 bệnh nhân (*Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm*). Số bệnh nhân đã được điều trị khỏi: 4.305 bệnh nhân (tăng 213). Số bệnh nhân tử vong: 07 bệnh nhân.

**3. Tổng số trường hợp đã được giám sát y tế:** lũy tích 74.936 người.

- Số F1 đang cách ly: 6.090 người (cách ly tập trung: 364); lũy tích: 31.869 người (tăng 1.078).

- Số trở về từ các vùng có dịch của các tỉnh/thành phố khác từ ngày 22/6/2021 đến nay: 35.318 trường hợp (tăng 127) tại các tỉnh/thành phố: TPHCM (5.437), Hà Nội (14.012), Đồng Nai (445), Bình Dương (597), Phú Thọ (9.165) và các vùng có dịch khác (5.532). Số trường hợp đã lấy mẫu xét nghiệm 65.815 (dương tính: 496, âm tính: 65.295, chờ kết quả: 24).

- Đang cách ly y tế tập trung: 2.745 trường hợp.

- Đang cách ly y tế tại nhà: 4.734 trường hợp.

**4. Tình hình xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2 trên địa bàn tỉnh (từ ngày 30/4/2021 đến nay):**

**4.1. Tổng số mẫu được lấy xét nghiệm trong ngày:** 8.948 mẫu (81 Realtime - PCR; 8.867 Test nhanh).

**4.2.** Tổng số mẫu xét nghiệm SARS-CoV-2 toàn tỉnh: 1.889.314 mẫu (6.836 dương tính; 1.882.432 âm tính; 46 chờ kết quả), trong đó:

- *Nhóm 1:* Đối tượng đối tượng xét nghiệm theo quy định Bộ Y tế (F0, F1, bệnh nhân có triệu chứng sốt, ho, triệu chứng cúm,...). Trong ngày: 7.651 mẫu, lũy tích: 745.981 mẫu.

- *Nhóm 2:* Đối tượng xét nghiệm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/5/2021 của HĐND tỉnh: 93.012 mẫu.

- *Nhóm 3:* Đối tượng xét nghiệm tự nguyện: 1.050.321 mẫu, trong ngày:

+ Xét nghiệm tại các doanh nghiệp: 0 mẫu, lũy tích: 446.244 mẫu.

+ Xét nghiệm cho người dân: 1.273 mẫu, lũy tích: 604.077 mẫu.

### **5. Kế hoạch triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19:**

Tổng số vắc xin đã được nhận: **1.859.820** liều.

#### **5.1. Kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho người từ 18 tuổi trở lên**

- Tổng dân số từ 18 tuổi trở lên: 789.896 người (tính đến tháng 12/2021).

- Tổng số người đã được tiêm: 777.701 người (đạt 98,5% dân số trên 18 tuổi).

- Tổng số mũi đã được tiêm: 1.720.395 mũi (Mũi 1: 777.701; Mũi 2: 767.304, đạt 97,1% dân số trên 18 tuổi; Mũi 3 + Mũi bổ sung: 175.390, đạt 22,2% dân số trên 18 tuổi).

- Kết quả tiêm đợt 10: số tiêm trong ngày: 6.848 người; lũy tích: 1.289.531 mũi, đạt 101,6%.

#### **5.2. Kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho người từ 12-17 tuổi**

- Tổng số người từ 12-17 tuổi: 113.795 người (tính đến tháng 11/2021).

- Tổng số người đã được tiêm: 107.793 người (đạt 94,7 % dân số từ 12-17 tuổi).

- Tổng số mũi đã được tiêm: 198.184 người (Mũi 1: 107.793 người; Mũi 2: 90.391 người, đạt 79,4% trẻ từ 12-17 tuổi).

- Số tiêm trong ngày: 472 người.

**6. Khoanh vùng, cách ly xã hội:** 0 địa điểm.

## **II. CÔNG TÁC ĐẢM BẢO**

### **1. Các bệnh viện điều trị COVID-19:**

**1.1.** Bệnh viện tuyến tỉnh: sẵn sàng bảo đảm điều trị cho các bệnh nhân mắc COVID-19, dự kiến: 544 người.

**1.2.** Bệnh viện tuyến huyện: sẵn sàng các cơ sở điều trị cho các bệnh nhân mắc COVID-19 tại 9 huyện/thành phố với quy mô 50 giường/huyện (tổng 450 giường).

### **2. Các khu cách ly tập trung:**

**2.1.** Thực trạng vận hành các cơ sở cách ly hiện có: tổng số cơ sở đang có các trường hợp thực hiện cách ly: 30 cơ sở.

**2.2.** Phương án nâng cấp/bổ sung thêm các cơ sở cách ly mới: sẵn sàng các địa điểm cách ly y tế tập trung trên địa bàn tỉnh dự kiến có thể tiếp nhận 20.000 công dân.

### **3. Công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh:**

#### **3.1. Công tác quản lý xuất nhập cảnh, hoạt động của người nước ngoài:**

Trong ngày, có 09 người nước ngoài (quốc tịch Hàn Quốc 08, Đài Loan - TQ 01) đến khai báo tạm trú trên địa bàn tỉnh với mục đích: Làm việc 02, công tác 07. Hiện,

toàn tỉnh có tổng số 2.987 người nước ngoài cư trú, hoạt động, cách ly tại 290 cơ quan, doanh nghiệp, trường học.

### **3.2. Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm liên quan đến phòng, chống dịch:**

Lực lượng Công an kiểm tra công tác phòng, chống dịch tại 06 cơ sở kinh doanh, lưu trú, 04 cơ sở tôn giáo; chưa phát hiện cơ sở vi phạm. Tham mưu ra quyết định xử phạt 06 trường hợp số tiền 6.000.000 đồng về hành vi không đeo khẩu trang nơi công cộng (Yên Lạc).

Lũy kế từ ngày 01/5/2021 đến nay, lực lượng Công an Vĩnh Phúc ra quyết định xử phạt hoặc đề nghị xử phạt 4.085 trường hợp số tiền 8.618.500.000 đồng.

### **III. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG DỊCH ĐÃ VÀ ĐANG TRIỂN KHAI**

Trước tình hình dịch bệnh COVID-19 trên cả nước tiếp tục diễn biến rất phức tạp, hàng ngày số ca mắc có xu hướng tăng nhanh. Đặc biệt, thành phố Hà Nội trung bình gần 3.000 ca mắc mỗi ngày, các tỉnh giáp với Hà Nội như Hưng Yên, Bắc Ninh trung bình gần 400 ca mắc mỗi ngày,.. Hàng ngày, dòng người di chuyển từ thành phố Hà Nội về Vĩnh Phúc với số lượng lớn, dẫn tới nguy cơ cao dịch bệnh tiếp tục xâm nhập vào các cơ sở sản xuất kinh doanh (CSSXKD) trên địa bàn tỉnh, chỉ tính từ ngày 01/01 đến ngày 12/01/2022 toàn tỉnh đã ghi nhận gần 170 ca dương tính với SARS-CoV-2 có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp với người trở về từ Hà Nội.

Để thực hiện tốt việc bảo vệ sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn, đồng thời bảo đảm thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 đối với người được phép nhập cảnh vào Việt Nam làm việc ngắn ngày (dưới 14 ngày); Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 ban hành (i) Văn bản số 309/CV-BCĐ ngày 13/01/2022 V/v tiếp tục tăng cường thực hiện các biện pháp **cấp bách, tạm thời** để phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tại các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh; (ii) Văn bản số 207/CV-BCĐ ngày 10/01/2022 hướng dẫn công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 đối với người được phép nhập cảnh vào Việt Nam làm việc ngắn ngày (dưới 14 ngày) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và (iii) Văn bản số 229/CV-BCĐ ngày 11/01/2022 chỉ đạo tăng cường thực hiện đợt cao điểm phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trước, trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022. Cụ thể:

**1.** Tại Văn bản số 309/CV-BCĐ ngày 13/01/2022 (*gửi kèm theo TCBC này*), Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh yêu cầu Công an tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương, UBND các huyện, thành phố thực hiện một số nội dung sau:

1.1. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và yêu cầu các CSSXKD thuộc thẩm quyền quản lý tự thực hiện việc đánh giá nguy cơ lây nhiễm (NCLN) tối thiểu 1 tuần/lần để áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19. Tuân thủ thực hiện xét nghiệm luân phiên mẫu gộp cho **từ 05-20% người lao động/1 tuần (5% tương ứng với NCLN thấp, 10% tương ứng với NCLN trung bình, 15% tương ứng với NCLN cao, 20% tương ứng với NCLN rất cao)** và khuyến khích hàng ngày **tạm thời** thực hiện xét nghiệm sàng lọc mẫu gộp cho 100% người lao động ngoại tỉnh thuộc các tỉnh, thành phố đang có số

ca mắc cao như thành phố Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh,... trước khi vào làm việc tại CSSXKD để đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Yêu cầu tuân thủ tối đa việc thực hiện giãn cách trong cơ sở sản xuất, kinh doanh; đối với CSSXKD có tổ chức ăn cho NLĐ cần phải chia thành nhiều phòng ăn nhỏ, có vách ngăn tại các bàn ăn, chia nhỏ số lượng người ăn trong một ca, đồng thời không sử dụng điều hòa và đảm bảo lưu thông không khí theo một chiều trong khu vực nhà ăn, nơi sinh hoạt chung.

1.2. Khuyến khích các CSSXKD thực hiện xét nghiệm Test nhanh kháng nguyên cho 100% người lao động sau khi kết thúc đợt nghỉ Lễ, Tết, để đảm bảo 100% người lao động có kết quả âm tính với SARS-CoV-2 mới được vào làm việc, để đảm bảo an toàn, hiệu quả, tiết kiệm tránh nguy cơ dịch bệnh xâm nhập và lây lan dịch bệnh trong CSSXKD.

1.3. Yêu cầu chủ CSSXKD kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19, Tổ an toàn covid của doanh nghiệp thực hiện nghiêm việc kiểm soát người lao động trong đơn vị mình, đặc biệt thực hiện triệt để việc khai báo y tế để thực hiện xét nghiệm và áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp.

1.4. Trường hợp xét nghiệm tầm soát định kỳ cho kết quả dương tính với SARS-CoV-2, yêu cầu CSSXKD thực hiện cách ly y tế tạm thời trường hợp dương tính theo quy định, đồng thời báo cáo ngay với Cơ quan quản lý trực tiếp, chính quyền địa phương nơi CSSXKD đóng trên địa bàn để thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 theo quy định.

1.5. Tuân thủ các biện pháp phòng, chống dịch khác theo quy định của Ban Chỉ đạo Quốc gia, Bộ Y tế, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh, Sở Y tế.

**\* Văn bản cũng Áp dụng với các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tại cơ sở sản xuất, kinh doanh khi có ca nhiễm COVID-19**

- Kích hoạt ngay các phương án phòng, chống dịch khi có trường hợp mắc COVID-19 đã được xây dựng theo quy định.

+ Quyết định phong tỏa tạm thời toàn bộ CSSXKD hoặc từng phân xưởng/dây chuyền sản xuất/tổ sản xuất/khu vực sản xuất/vị trí làm việc có trường hợp mắc bệnh (F0) đến khi thực hiện bóc tác được F0 ra khỏi CSSXKD để chăm sóc, điều trị và cách ly các trường hợp liên quan theo quy định và tình hình thực tế dịch bệnh tại CSSXKD.

+ Cách ly các trường hợp F0 tại chỗ tại CSSXKD, KCN và thông báo ngay cho cơ quan y tế để chuyển cách ly, điều trị và thực hiện khoanh vùng, khử khuẩn theo quy định.

+ Thông báo cho toàn thể người lao động (NLĐ) đang có mặt tại CSSXKD; yêu cầu NLĐ nghiêm túc khai báo y tế, thực hiện 5K, phân xưởng nào ở yên phân xưởng đó; không để xảy ra hoang mang, lo lắng với NLĐ.

+ Lập danh sách NLĐ là F1, các trường hợp khác không có mặt tại CSSXKD gửi Trung tâm Y tế cấp huyện/Ban Chỉ đạo cấp xã nơi NLĐ đang lưu trú, cơ quan quản lý trực tiếp để xử trí theo quy định, đồng thời phối hợp với cơ quan y tế thông báo cho các đối tượng này ở yên tại nhà/nơi lưu trú, khai báo y tế và thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo yêu cầu của cơ quan y tế.

+ Đảm bảo 100% người lao động tại CSSXKD trước khi vào làm việc phải không nhiễm COVID-19. Yêu cầu người lao động thực hiện nghiêm nguyên tắc **“1 cung đường, 2 điểm đến”** đến khi bóc tách được hết F0 ra khỏi CSSXKD, báo cáo với Tổ Covid cộng đồng, Tổ liên gia tự quản, chính quyền địa phương nơi cư trú về nơi làm việc của mình.

- Thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng Test nhanh kháng nguyên (mẫu gộp) cho 100% NLĐ trong CSSXKD để nhanh chóng bóc tách người nhiễm COVID-19 ra khỏi CSSXKD để được chăm sóc, điều trị. Trên cơ sở kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 sẽ quyết định các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 một cách phù hợp theo hướng dẫn chuyên môn của cơ quan y tế.

- Trường hợp CSSXKD tiếp tục được phép hoạt động, thì nên cần tổ chức xét nghiệm Test nhanh kháng nguyên (*mẫu gộp*) trước khi vào làm việc cho 100% NLĐ của CSSXKD liên tiếp trong 07 ngày đầu, tiếp tục xét nghiệm 07 ngày tiếp theo vào ngày thứ 03, thứ 07; đảm bảo 100% NLĐ khi vào làm việc cần có kết quả xét nghiệm âm tính với SARS-CoV-2 nhằm không để dịch bệnh lây lan, bùng phát trong CSSXKD (***khi dịch bệnh lây lan, bùng phát trong CSSXKD có thể sẽ bị đóng cửa hoạt động để thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 theo quy định sẽ gây ra thiệt hại lớn về kinh tế cho CSSXKD***).

- Kết thúc 14 ngày thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2, CSSXKD căn cứ diễn biến tình hình dịch COVID-19 để triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 theo quy định; đồng thời tuân thủ thực hiện xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2 bằng Test nhanh kháng nguyên mẫu gộp định kỳ từ 05-20% NLĐ/1 tuần theo quy định.

2. Tại Văn bản số 229/CV-BCĐ ngày 11/01/2022 (*gửi kèm theo TCBC này*), Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, UBND các huyện, thành phố khẩn trương thực hiện quyết liệt một số nội dung sau:

2.1. Yêu cầu cán bộ công chức, viên chức, người lao động không đi ra ngoài tỉnh và đến khu vực có nguy cơ cao khi không thực sự cần thiết. Trường hợp do nhu cầu phải di chuyển, yêu cầu thực hiện nghiêm 5K, đồng thời trước khi trở về tỉnh phải thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 cho kết quả âm tính mới được vào cơ quan làm việc và trở về với gia đình.

2.2. Đối với người đến/về Vĩnh Phúc từ khu vực nguy cơ cao, các tỉnh, thành phố khác, đặc biệt là thành phố Hà Nội:

- Khi đến liên hệ công tác, làm việc, giao dịch cần thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng Test nhanh kháng nguyên cho kết quả âm tính trước khi vào đơn vị, doanh nghiệp để đảm bảo sức khỏe cho bản thân, đồng nghiệp và đối tác.

Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp luôn chuẩn bị sẵn cơ sở kit test thử nhanh tại cơ quan để tạo điều kiện tối đa cho khách phải kiểm tra, đảm bảo an toàn trước khi vào làm việc.

- Yêu cầu người dân liên hệ với UBND cấp xã nơi cư trú để khai báo y tế và ***vận động người dân tự thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng Test nhanh kháng nguyên, cho kết quả âm tính trước trở về để đảm bảo sức khỏe cho bản thân, gia đình, hàng xóm và cộng đồng.*** Các trường hợp không tuân thủ thực hiện, nếu để lây lan dịch bệnh ra cộng đồng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chủ tịch UBND cấp huyện hướng dẫn, quy định các điểm xét nghiệm công cộng tại từng địa phương (xã, phường, thị trấn).

2.3. Nghiêm cấm tổ chức ăn uống, hội họp, gặp mặt, liên hoan cuối năm, tổ chức mừng thọ, mừng xuân đông người dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022. Yêu cầu UBND cấp xã, Tổ Covid cộng đồng, Tổ liên gia tự quản giám sát việc thực hiện theo quy định. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Đảm bảo làng giữ làng, xã giữ xã, huyện giữ huyện, cơ quan giữ cơ quan, doanh nghiệp giữ doanh nghiệp... để thực hiện phòng, chống dịch bệnh COVID-19 và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.

2.4. Tham gia tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 đủ số mũi khi có thông báo. Trường hợp chưa được tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 yêu cầu liên hệ và đăng ký với UBND/Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 nơi lưu trú để được hướng dẫn và tổ chức tiêm theo quy định.

2.5. Yêu cầu toàn thể người dân trên địa bàn tỉnh tăng cường giám sát, thông tin tố giác các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng, chống dịch bệnh COVID-19 để bảo vệ sức khỏe cho bản thân, gia đình, hàng xóm và cộng đồng.

2.6. Mọi vướng mắc liên hệ với Trung tâm chỉ huy tỉnh và Trung tâm chỉ huy các huyện, thành phố, cụ thể:

STT	Trung tâm chỉ huy tỉnh và các huyện, thành phố	Số điện thoại đường dây nóng Trung tâm chỉ huy phòng, chống dịch COVID-19
	<b>TỈNH VINH PHÚC</b>	02113.858.858/ 0854325858
<b>I</b>	<b>THÀNH PHỐ VINH YÊN</b>	0858.513.365
<b>II</b>	<b>THÀNH PHỐ PHÚC YÊN</b>	02113.520.678/ 0911.221.718
<b>III</b>	<b>HUYỆN LẬP THẠCH</b>	02113 666 021/ 0332 441.633
<b>IV</b>	<b>HUYỆN TAM DƯƠNG</b>	02113.895.429/ 0857.310.978
<b>V</b>	<b>HUYỆN TAM ĐẢO</b>	02113.686.369/ 0877205138
<b>VI</b>	<b>HUYỆN BÌNH XUYỀN</b>	02113.503.688/ 0886.016.120
<b>VII</b>	<b>HUYỆN YÊN LẠC</b>	02113.836.002/ 0379.969.778
<b>VIII</b>	<b>HUYỆN VINH TƯỜNG</b>	02116.283.686/ 0982.623.466
<b>IX</b>	<b>HUYỆN SÔNG LÔ</b>	02113.666.000/ 0966759989

3. Tại Văn bản số 207/CV-BCĐ ngày 10/01/2022 (gửi kèm theo TCBC này), Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh quy định, hướng dẫn cụ thể về mục đích; đối tượng áp dụng; nguyên tắc áp dụng; các yêu cầu phòng, chống dịch COVID-19 cụ thể (1) đối với người nhập cảnh không phải mục đích ngoại giao công vụ; và (2) đối với người nhập cảnh với mục đích ngoại giao, công vụ. Đồng thời, phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể cho các sở, ngành, địa phương; cơ quan, tổ chức mời/đề xuất

người nhập cảnh; trách nhiệm của người nhập cảnh ngăn ngày; trách nhiệm của người tiếp xúc gần với người nhập cảnh ngăn ngày trong thời gian lưu trú tại Việt Nam; trách nhiệm của đơn vị quản lý địa điểm họp, ký kết, nơi làm việc, địa điểm thực địa./.

**Nơi nhận:**

- TTTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ PCD COVID-19 tỉnh; (B/c);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Huyện ủy, UBND các huyện, thành phố; (Đề P/h chỉ đạo);
- Báo VP, Đài PTTH, Cổng TTGTĐT tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị có trang thông tin điện tử; (Đề tuyên truyền);
- Phòng VH&TT; TT VH&TT các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- GD, các PGD;
- Lưu: VT, TTBCXB.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đỗ Hữu Vinh**

**Phụ lục 1:**  
**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP GHI NHẬN MẮC COVID-19 TRONG NGÀY**  
*(Ban hành kèm theo Bản tin ngày 19/01/2022 của Sở TT&TT)*

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
1	T.B.LINH	2007	Nữ	TT. Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
2	T.C.HOÀ	1945	Nữ	TT. Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
3	T.C.T.HÙNG	2012	Nam	TT. Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
4	T.V.CHẤN	1993	Nam	TT. Đạo Đức	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
5	N.T.DUNG	1980	Nữ	TT. Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
6	T.T.THỦY	1973	Nữ	Tân Phong	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
7	T.Đ.DŨNG	1979	Nam	TT. Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
8	L.T.VỊ	1987	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
9	T.V.TUYÊN	1987	Nam	Phú Xuân	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
10	P.T.T.UYÊN	2001	Nữ	Phú Xuân	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
11	N.V.ANH	1992	Nam	TT. Đạo Đức	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
12	N.T.HÀ	1968	Nữ	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
13	K.T.HẰNG	1997	Nữ	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
14	D.Đ.KHOA	2019	Nam	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
15	D.K.ANH	2013	Nữ	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
16	N.T.VUI	1970	Nữ	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
17	L.X.HÒA	1986	Nam	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
18	Đ.H.HOÀNG	1977	Nam	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
19	Đ.T.HUYỀN	1975	Nữ	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
20	Q.N.MAI	2000	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
21	L.Q.DUY	1998	Nam	TT. Gia Khánh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
22	N.T.T.LINH	1988	Nữ	TT. Gia Khánh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
23	N.T.MÙI	1933	Nữ	TT. Gia Khánh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
24	G.T.LÁI	2002	Nữ	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
25	P.T.LUẬN	1978	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
26	H.V.CHĂM	1995	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
27	Đ.V.HÙNG	1992	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
28	Đ.T.PHẾT	2001	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
29	H.SUNG	1974	Nam	Tam Hợp	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
30	D.T.T.XUÂN	1999	Nữ	Tam Hợp	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
31	L.T.THỨ	1999	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
32	H.V.KIÊN	1982	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
33	N.Đ.LUẬT	1989	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà



STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
34	D.G.HUY	2015	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
35	D.G.BẢO	2015	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
36	L.V.CÚC	1993	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
37	Đ.T.HUYỀN	1985	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
38	Đ.T.THU	1981	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
39	N.Đ.NHIÊN	2000	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
40	C.Q.HUY	2003	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
41	B.C.NAM	1996	Nam	Quất Lư	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
42	N.T.H.NHUNG	1994	Nữ	TT. Đạo Đức	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
43	T.B.AN	2021	Nam	TT. Đạo Đức	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
44	N.T.HIẾU	2002	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
45	Đ.H.ANH	1996	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
46	V.T.GIANG	1995	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
47	N.V.HỒNG	1999	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
48	L.Đ.HÙNG	1994	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
49	N.T.LÂM	1977	Nữ	Tân Phong	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
50	N.T.T.HƯƠNG	1997	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
51	P.V.NGHĨA	1991	Nam	Tam Hợp	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
52	V.T.H.THÚY	1995	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
53	R.X.THỌ	1977	Nam	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
54	D.T.QUÝT	2001	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
55	N.Đ.LUẬT	1985	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
56	H.T.NGUYỄN	2003	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
57	L.Đ.THÀNH	1994	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
58	N.H.TUẤN	1993	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
59	V.M.CHÂU	2011	Nữ	Hương Sơn	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
60	N.T.HỒNG	1967	Nữ	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
61	P.B.NGỌC	2000	Nữ	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
62	N.T.LAN	1979	Nữ	Sơn Lôi	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
63	N.T.ÁNH	1962	Nữ	TT. Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
64	L.B.ANH	2013	Nam	TT. Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
65	L.N.BẢO	2014	Nữ	TT. Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
66	P.C.THẮNG	2010	Nam	TT. Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
67	T.T.NGÂN	1983	Nữ	TT. Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
68	T.T.ĐÀO	1996	Nữ	Hương Sơn	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
69	P.T.T.THẢO	2000	Nữ	Hương Sơn	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
70	V.T.T.THẢO	1996	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
71	N.V.VINH	1996	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
72	L.T.HỒNG	1990	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
73	H.T.THƯƠNG	1992	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
74	N.V.TÙNG	1992	Nữ	TT. Gia Khánh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
75	Đ.T.DUYÊN	1977	Nữ	TT. Gia Khánh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
76	T.T.SÂM	1978	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
77	N.T.NHÀN	1968	Nữ	Sơn Lôi	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
78	N.T.MIỀN	1977	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
79	N.T.HÀO	1993	Nữ	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
80	N.T.HẠNG	1987	Nam	TT. Hoa Sơn	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
81	N.P.HẠNH	2016	Nữ	TT. Hoa Sơn	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
82	H.K.NAM	1993	Nam	TT. Hoa Sơn	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
83	H.T.THÚY	1987	Nữ	Quang Sơn	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
84	N.T.KIÊN	2003	Nam	TT. Lập Thạch	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
85	L.T.T.LAN	1987	Nữ	Thái Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
86	Đ.Q.AN	1963	Nam	Bắc Bình	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
87	H.T.HOÀ	1974	Nữ	Bắc Bình	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
88	L.V.ĐỊNH	1993	Nam	Sơn Đông	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
89	N.V.HÙNG	1955	Nam	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu phong tỏa
90	Đ.T.HOÀ	1969	Nữ	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu phong tỏa
91	N.V.DŨNG	1985	Nam	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu phong tỏa
92	H.V.THIỆU	1955	Nam	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu phong tỏa
93	V.H.GIÁP	1964	Nữ	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu phong tỏa
94	N.T.LÝ	1967	Nữ	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu phong tỏa
95	V.K.TUYẾN	1989	Nam	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu phong tỏa
96	H.T.LINH	2013	Nữ	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu phong tỏa
97	H.T.HUYỀN	2012	Nữ	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu phong tỏa
98	H.Đ.KHOA	2017	Nam	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu phong tỏa
99	N.T.NAM	2015	Nữ	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu phong tỏa
100	H.V.THẢO	1964	Nam	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu phong tỏa
101	H.N.ANH	1996	Nam	Đồng Thịnh	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
102	L.T.PIÊNG	1988	Nữ	Bạch Lưu	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
103	N.Đ.CHÍNH	1944	Nam	Hướng Đạo	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
104	N.T.ĐŨNG	1947	Nữ	Hướng Đạo	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
105	N.T.ÁNH	1998	Nữ	Thanh Vân	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
106	L.T.T.HƯƠNG	1988	Nữ	Đạo Tú	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
107	L.M.KIÊN	1978	Nam	Đạo Tú	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
108	L.T.AN	2014	Nam	Đạo Tú	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
109	P.V.THU	1973	Nam	Hoàng Hoa	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
110	N.T.VÂN	1973	Nữ	Hoàng Hoa	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
111	N.T.THÁI	1982	Nữ	Duy Tiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
112	V.T.K.ANH	2012	Nữ	Duy Tiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
113	N.T.HẠNH	1982	Nữ	Duy Tiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
114	P.T.THANH	1992	Nữ	TT. Hợp Hòa	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
115	Đ.T.HUỆ	1987	Nữ	TT. Hợp Hòa	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
116	N.T.DUNG	1973	Nữ	Đồng Tỉnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
117	P.M.KHANG	2021	Nam	Đồng Tỉnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
118	N.V.MẠNH	1999	Nam	Đồng Tỉnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
119	N.T.NHUNG	1987	Nữ	Đồng Tỉnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
120	N.T.LIÊN	1984	Nữ	An Hòa	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
121	H.T.N.ÁNH	2004	Nữ	An Hòa	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
122	L.T.HOÀI	1984	Nữ	An Hòa	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
123	T.T.HƯỜNG	1991	Nữ	Duy Tiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
124	N.Q.MINH	1998	Nam	Hướng Đạo	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
125	P.T.PHƯƠNG	1979	Nữ	Hợp Thịnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
126	P.N.T.ANH	2017	Nữ	TT. Hợp Hòa	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
127	N.T.D.LINH	1994	Nữ	Hướng Đạo	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
128	Đ.T.HUYỀN	1992	Nữ	Kim Long	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
129	L.M.NGUYỆT	1986	Nữ	Kim Long	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
130	V.T.H.PHƯƠNG	2002	Nữ	Hoàng Đan	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
131	N.V.HÔNG	1981	Nam	Vân Hội	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
132	N.T.NHÂN	2015	Nữ	Vân Hội	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
133	N.V.THẢO	1977	Nam	Vân Hội	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
134	L.T.CHÂM	1993	Nữ	Vân Hội	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
135	Đ.B.AN	2019	Nam	Vân Hội	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
136	V.V.THẢO	2000	Nam	Duy Tiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
137	N.T.THÀNH	1955	Nữ	Duy Tiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
138	T.T.HÒA	1977	Nữ	Duy Tiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
139	P.T.TUYẾT	1982	Nữ	Thanh Vân	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
140	N.V.HUẤN	1992	Nam	Đồng Tỉnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
141	T.T.DUNG	1990	Nữ	Vân Hội	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
142	N.T.B.TRANG	2013	Nữ	Vân Hội	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
143	L.V.THẮNG	1996	Nam	Tam Quan	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
144	C.T.VÂN	1979	Nữ	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
145	H.V.KHANH	1978	Nam	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
146	C.D.GIANG	1990	Nam	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
147	N.T.THÀNH	1991	Nam	Minh Quang	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
148	Đ.T.HIỀN	1989	Nữ	Minh Quang	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
149	Đ.T.HẢI	1982	Nam	Hồ Sơn	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
150	H.V.VŨ	1993	Nam	Tam Quan	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
151	Đ.V.CHÁT	1989	Nam	Tam Quan	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
152	T.T.SÁU	1967	nữ	Minh Quang	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
153	N.Á.TUYẾT	2013	nữ	Minh Quang	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
154	T.T.TUYỀN	1979	nữ	Minh Quang	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
155	L.D.MẠNH	2013	Nam	TT. Đại Đình	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
156	L.V.ĐOAN	2004	Nam	TT. Hợp Châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
157	N.T.THỐM	1993	Nữ	Hồ Sơn	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
158	N.V.SƠN	1988	Nam	TT. Đại Đình	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
159	N.T.GIANG	1995	Nữ	Hồ Sơn	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
160	K.T.CÀNG	1967	Nữ	An Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
161	N.T.HẬU	1987	Nữ	TT. Tứ Trung	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
162	Đ.X.PHƯƠNG	1993	Nam	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
163	T.T.T.CHÂM	1990	Nữ	An Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
164	K.V.ĐỨC	2017	Nam	An Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
165	N.V.DUY	1982	Nam	An Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
166	N.T.CHINH	1970	Nữ	An Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
167	P.Đ.HÙNG	2007	Nam	Lũng Hòa	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
168	P.T.ĐÌNH	1992	Nam	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
169	B.V.ĐỨC	1988	Nam	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
170	P.T.NGÓNG	1940	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
171	T.V.CHIU	1942	Nam	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
172	L.T.TOAN	1928	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
173	T.T.THANH	1963	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
174	T.T.THANH	1981	Nữ	Yên Bình	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
175	N.T.THỦY	1987	Nam	Thượng Trưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
176	P.T.HƯỜNG	1978	Nữ	Thượng Trưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
177	C.V.HỘI	1983	Nam	Chấn Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
178	N.M.ĐỨC	2010	Nam	An Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
179	K.P.THƯỜNG	1972	Nam	An Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
180	N.T.THÊU	1976	Nữ	Lũng Hòa	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
181	P.Đ.TUẤN	1995	nam	Lũng Hòa	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
182	N.T.THẢO	1997	Nữ	Lũng Hòa	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
183	P.Đ.TUYẾN	2001	Nam	Lũng Hòa	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
184	L.A.KHOA	2014	Nam	TT. Tứ Trung	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
185	P.Đ.DUY	2013	Nam	TT. Tứ Trung	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
186	T.K.LY	2006	Nữ	Thượng Trưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
187	P.T.HÀ	1975	Nam	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
188	N.T.DÂN	2012	Nam	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
189	N.H.Q.ĐẠI	2003	Nam	Phú Đa	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
190	N.T.T.HƯƠNG	1997	Nữ	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
191	Đ.M.NHẬT	2021	Nam	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
192	T.B.QUYẾT	2002	Nam	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
193	N.T.THANH	1995	Nữ	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
194	Đ.T.TÁM	1980	Nữ	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
195	Đ.B.AN	2016	Nam	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
196	L.V.KHÁNH	2014	Nam	Lũng Hòa	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
197	L.T.KIM	1960	Nữ	TT. Thổ Tang	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
198	N.T.T.VÂN	2012	Nữ	TT. Thổ Tang	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
199	N.H.VINH	1992	Nam	Đại Tự	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
200	N.V.TUYÊN	1988	Nam	Nguyệt Đức	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
201	V.T.T.MAI	1999	Nữ	Văn Tiên	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
202	Đ.V.PHÚ	1963	Nam	Trung Nguyên	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
203	N.T.NGOÃN	1965	Nữ	Trung Nguyên	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
204	N.T.NĂM	1975	Nữ	Trung Nguyên	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
205	T.Y.VY	2010	Nữ	Trung Nguyên	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
206	P.K.NHI	2012	Nữ	TT. Yên Lạc	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
207	N.T.TẤN	1988	Nam	Tam Hồng	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
208	T.G.HÂN	2019	Nữ	Yên Phương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
209	Đ.T.K.ANH	2016	Nữ	Trung Hà	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
210	Đ.T.M.HỒNG	2015	Nữ	Trung Hà	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
211	N.V.LỘC	1989	Nam	Trung Hà	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
212	N.H.TRANG	2001	Nữ	TT. Yên Lạc	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
213	V.T.THOA	1982	Nữ	Bình Định	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
214	N.V.AN	2012	Nam	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
215	T.T.VÓN	1982	Nữ	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
216	N.V.HUY	2012	Nam	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
217	N.T.THUY	2012	Nữ	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
218	N.Đ.DŨNG	2012	Nam	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
219	K.T.H.PHUƠNG	2012	Nữ	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
220	N.M.HUY	2012	Nam	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
221	Đ.T.D.LY	2012	Nữ	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
222	N.N.AN	2012	Nữ	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
223	T.T.NGÂN	2012	Nữ	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
224	T.T.HIỀN	2012	Nữ	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
225	N.M.HƯƠNG	2012	Nữ	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
226	N.M.THẨM	1984	Nữ	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
227	N.T.H.VÂN	2012	Nữ	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
228	K.Đ.H.ĐĂNG	2012	Nam	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
229	Đ.T.T.NGA	1995	Nữ	Liên Châu	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
230	Đ.B.NAM	1993	Nam	Tam Hồng	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
231	N.T.SÂM	1931	Nữ	Đại Tự	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
232	T.T.TUYẾT	2000	Nữ	Đồng Cương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
233	N.T.TÁM	1977	Nữ	Bình Định	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
234	N.V.HÙNG	1971	Nam	Trung Kiên	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
235	T.Q.CHẤN	2008	Nam	Hồng Châu	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
236	N.T.T.HIỀN	1999	Nữ	Đại Tự	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Nhập cảnh
237	N.T.B.AN	2012	Nữ	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
238	Đ.V.HUY	2012	Nam	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
239	K.Đ.AN	2012	Nam	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
240	K.T.N.QUỲNH	2012	Nữ	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
241	Đ.V.NAM	2012	Nam	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
242	T.T.T.HÀ	2012	Nữ	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
243	N.T.P.LINH	2012	Nữ	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
244	K.Đ.QUYÊN	2011	Nam	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
245	S.N.SƠN	1997	Nam	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
246	N.T.XUÂN	1962	Nữ	Cao Minh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
247	N.B.ANH	2021	Nữ	Cao Minh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
248	L.T.CƯỜNG	2000	Nam	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
249	Đ.T.LIÊN	1994	Nữ	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
250	N.T.H.THƯƠNG	1992	Nữ	Cao Minh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
251	P.Y.NHI	2017	Nữ	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
252	H.V.QUÝ	1951	Nam	Hùng Vương	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
253	Đ.T.T.QUYÊN	1984	Nữ	Trung Trắc	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
254	P.H.ÁNH	2011	Nữ	Trung Trắc	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
255	P.T.T.VÂN	1985	Nữ	Xuân Hòa	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
256	P.T.HIỀN	1979	Nữ	Xuân Hòa	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
257	N.T.VÂN	1971	Nữ	Xuân Hòa	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
258	L.T.THÚY	1986	Nữ	Xuân Hòa	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
259	B.M.KIÊN	2012	Nam	Trung Nhị	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
260	L.T.H.HẠNH	1989	Nữ	Xuân Hòa	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
261	N.T.THƯỜNG	1976	Nữ	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
262	V.V.LONG	2000	Nam	Nam Viêm	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
263	C.A.SÀỠ	2004	Nam	Nam Viêm	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
264	S.T.VỪ	2000	Nữ	Xuân Hòa	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
265	N.T.HUỆ	1946	Nữ	Cao Minh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
266	Đ.T.PHƯỢNG	1987	Nữ	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
267	Đ.T.HUYỀN	1993	Nữ	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
268	N.V.TUẤN	1999	Nam	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
269	Đ.T.HÔNG	1984	Nữ	Xuân Hòa	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
270	Đ.T.LONG	2007	Nam	Xuân Hòa	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
271	N.T.HIỀN	1976	Nữ	Trung Nhị	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
272	V.H.NAM	2003	Nam	Nam Viêm	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
273	N.C.KHÁNH	2000	Nam	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
274	N.V.THANH	1988	Nam	Xuân Hòa	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
275	N.T.HƯƠNG	1969	Nữ	Xuân Hòa	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
276	D.T.CÚC	1983	Nữ	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
277	D.T.LAN	1987	Nữ	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
278	N.T.MAI	1989	Nữ	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
279	V.K.HUYỀN	2020	Nữ	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
280	N.D.THÀNH	1987	Nam	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
281	P.T.MẶNG	1993	Nữ	Đông Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
282	P.T.T.HIỀN	1993	Nữ	Đông Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
283	M.T.DUYÊN	2000	Nữ	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
284	N.N.LINH	1952	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
285	P.T.HUYỀN	1979	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
286	N.K.TUẤN	1969	Nam	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
287	N.T.NHI	1987	Nữ	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
288	N.T.MÙI	1967	Nữ	Đông Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
289	P.T.VIỄN	1962	Nữ	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
290	N.T.T.LAN	2001	Nữ	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
291	N.H.AN	2013	Nữ	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
292	H.V.THẢO	1975	Nam	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
293	Đ.T.TRUNG	1984	Nam	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
294	P.M.HIẾU	1997	Nam	Thanh Trù	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
295	P.T.LOAN	1989	Nữ	Hội Hợp	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
296	N.T.HIỀN	1990	Nữ	Đông Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
297	L.Đ.TUẤN	1976	Nam	Đông Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
298	L.N.B.AN	2017	Nữ	Đông Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
299	N.T.HƯƠNG	1990	Nữ	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
300	V.T.LAM	1991	Nữ	Đông Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
301	P.T.OANH	1981	Nữ	Đông Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
302	H.T.T.THIỆT	1988	Nữ	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
303	H.T.HƯỜNG	2021	Nữ	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
304	H.T.THẨM	1975	Nữ	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
305	N.T.HƯỜNG	1988	Nữ	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
306	Đ.N.PHƯƠNG	1993	Nam	Đông Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
307	N.V.AN	1954	Nam	Hội Hợp	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
308	N.T.Q.ANH	2004	Nữ	Hội Hợp	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
309	C.T.HÒA	1998	Nữ	Hội Hợp	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
310	P.P.LINH	2005	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
311	P.P.ANH	2009	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
312	P.P.THẢO	2014	nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
313	N.L.CHI	2015	Nữ	Đông Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
314	L.T.HIỀN	1967	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
315	L.D.QUÂN	1983	Nam	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
316	V.M.LINH	2002	Nữ	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
317	T.V.TUẤN	1994	Nam	Thanh Trù	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
318	P.G.VINH	2018	Nam	Thanh Trù	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
319	N.Q.DẦU	1956	Nam	Đông Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
320	N.T.THÊU	1984	Nữ	Đông Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
321	N.T.MINH	1968	Nam	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
322	P.B.THỨ	2009	Nữ	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
323	P.S.TÙNG	1997	Nam	Hội Hợp	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
324	N.T.TRANG	1989	Nữ	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
325	C.T.HÒA	1974	Nữ	Thanh Trù	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
326	V.D.THẢO	2007	Nữ	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
327	N.T.AN	1973	Nữ	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
328	N.M.HÙNG	2014	Nam	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
329	N.T.THU	1937	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
330	N.N.TÚ	1979	Nam	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
331	L.T.BIỆN	1963	Nam	Đông Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
332	H.T.PHƯƠNG	1967	Nữ	Đông Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
333	L.T.BÍCH	1989	Nữ	Đông Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
334	P.T.HUYỀN	2020	Nữ	Thanh Trù	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng Đồng
335	N.T.DUNG	1985	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
336	N.H.LONG	2012	Nam	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
337	N.H.LÂN	2014	Nam	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà



STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
338	N.V.NHÂN	1991	Nam	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
339	N.T.NGỌC	1997	Nữ	Hội Hợp	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

**Phụ lục 2:**  
**TÌNH HÌNH CÁC CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN COVID-19**  
*(Kèm theo Bản tin ngày 19/01/2022 của Sở TT&TT)*

<b>STT</b>	<b>Cơ sở điều trị COVID-19</b>	<b>Cũ</b>	<b>Vào</b>	<b>Ra</b>	<b>Hiện có</b>
1	BVDC số 1	94	1	2	93
2	BVDC số 2	90	5	2	93
3	Bình Xuyên (Cơ sở 1)	39	14	7	46
4	Bình Xuyên (Cơ sở 2)	627	49	0	676
5	Lập Thạch (Cơ sở 1)	14	0	2	12
6	Lập Thạch (Cơ sở 2)	85	1	0	86
7	Phúc Yên (Cơ sở 1)	29	5	0	34
8	Phúc Yên (Cơ sở 2)	167	10	13	164
9	Sông Lô (Cơ sở 1)	11	0	6	5
10	Sông Lô (Cơ sở 2)	42	1	0	43
11	Tam Dương (Cơ sở 1)	60	9	11	58
12	Tam Dương (Cơ sở 2)	97	5	3	99
13	Tam Đảo (Cơ sở 1)	58	2	14	46
14	Tam Đảo (Cơ sở 2)	122	3	2	123
15	Vĩnh Tường (Cơ sở 1)	69	0	2	67
16	Vĩnh Tường (Cơ sở 2)	85	1	5	81
17	Vĩnh Tường (Cơ sở 3)	165	1	4	162
18	Vĩnh Tường (Cơ sở 4)	0	40	0	40
19	Vĩnh Yên	222	36	0	258
20	Yên Lạc (Cơ sở 1)	82	17	3	96
21	Yên Lạc (Cơ sở 2)	104	33	0	137
22	Bệnh viện 74 Trưng vương	0	0	0	0
23	Bệnh viện Nhiệt đới TƯ	9	0	1	8
24	Đang cách ly tạm thời tại các cơ sở cách ly y tế	127	339	369	97
<b>Tổng số</b>		<b>2.398</b>	<b>572</b>	<b>446</b>	<b>2.524</b>